

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-PT

Ngày: 02-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Phan Văn L do có kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2019/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo: Phan Văn L, sinh năm 1992 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp TT 2, xã TX, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm biển; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Q, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị N (chết); vợ: Trịnh Thị Kim H, sinh năm 1995; con: có 01 con sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 25/02/2019 đến ngày 16/7/2019 được trả tự do; ngày 06/11/2019 tiếp tục bị tạm giam cho đến nay; có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn L: Ông Nguyễn Tấn Đ là Luật sư - Văn phòng luật sư Nguyễn Tấn Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt;

- Đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo: Ông Phạm Văn H (cha của bị hại Phạm Quốc T), sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp P, xã PL, huyện B, tỉnh Bến Tre; có mặt;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Đỗ Thị T là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 03/5/2018, Phan Văn L điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường huyện 14 hướng từ xã Phú Ngãi về xã TX (huyện B, tỉnh Bến Tre) thì nhìn thấy Phạm Quốc T (sinh ngày 03/12/2000) điều khiển xe mô tô biển số xxLx-xxxx chở phía sau Nguyễn Thị Hồng L và Phạm Thúy V lưu thông phía trước cùng chiều nên tăng ga cho xe vượt qua xe T. Thấy L vượt qua mặt T cũng cho xe vượt qua xe L. Sau đó L và T chạy xe rượt đuổi nhau qua lại trên đường. Chạy đến khu vực gần cầu PT thuộc ấp P, xã PT, huyện B, tỉnh Bến Tre, T móc trong túi quần ra con dao chỉ về phía L nói “đâm, đâm” nên L đuổi theo T nói “mày hết thời rồi” rồi tăng ga vọt qua chạy về hướng xã TX một đoạn rồi dừng xe lại nhặt một đoạn tre cầm trên tay chặn đường. Thấy L cầm cây, T quay đầu xe bỏ chạy ngược về hướng xã PT thì L cầm cây lên xe đuổi theo vượt qua xe T một đoạn đến khu vực Ủy ban nhân dân xã PT thuộc ấp P rồi dừng xe xuống đứng trên lộ nhựa chờ. Khi T điều khiển xe chạy đến cách khoảng 2,1m, L cầm đoạn tre bằng tay phải phóng thẳng trúng vào đầu T làm T gục đầu xuống tay lái và lao xe vào lề đường bên trái té ngã. Sau khi ném trúng T, L nhanh chóng lên xe bỏ chạy trốn. Hậu quả T bị chấn thương nặng ở vùng đầu được đưa đi cấp cứu, L và V bị xây xát nhẹ. Đến ngày 04/5/2019 qua trích xuất camera an ninh Cơ quan điều tra phát hiện Phan Văn L là thủ phạm gây thương tích cho Phạm Quốc T.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 khúc gỗ tròn bằng tre, dài 142cm, đường kính 06cm, một đầu bằng, đầu còn lại vát hơi nhọn.
- 01 cái nón vải màu đen, trên nón có ghi dòng chữ “Lacoste” và 01 cái nón vải màu xám, trên nón có ghi chữ “S”.
- 01 cái mũ bảo hiểm màu xanh dương, trên nón có dòng chữ “My Bike”, vành nón bị bể, bên hông nón bị bể một phần.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Honda 110, màu đỏ, biển số xxLx-xxxx.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 327-1118/TgT ngày 21/11/2018, Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của Phạm Quốc T như sau: chấn thương đầu, mặt: vết thương vùng thái dương phải dài 06cm, sung bầm mắt phải, lõm sọ hờ bán cầu phải, CT Scanner đầu: tụ máu dưới màng cứng bán cầu phải, xuất huyết khoang dưới nhện trán - đỉnh và thái dương phải, dập não, xuất huyết não thùy trán phải, xuất huyết liềm não lều tiểu não, chèn ép não thất bên phải, đẩy lệch đường giữa sang trái, gãy lún sọ trán - đỉnh phải, gãy trần hốc mắt phải và thành xoang sàng phải. Tụ dịch xoang hàm, xoang sàng, xoang bướm hai bên. Phẫu thuật: rạch da bán cầu phải, khoang mở sọ rộng gập bỏ phần sọ lõm, mở màng cứng cầm máu, lấy não dập và màng cứng, sọ vỡ nhiều mảnh, nhiều mô hoại tử, bờ xương sọ. Mở khí quản, mở thông dạ dày nuôi ăn. Hiện: tỉnh, tiếp xúc được không chính xác, sa sút trí tuệ mức độ vừa (trung

bình), không nói được, thở qua ống mở thông khí quản, ăn đường miệng được, liệt $\frac{1}{2}$ người trái mức độ nặng, khuyết sọ thái dương – đỉnh phải đáy phập phồng kích thước 18cm x 12cm, vết mổ lành sẹo kích thước 24cm x 0,3cm, miệng méo qua phải. Cơ chế hình thành vết thương là do vật tày gây ra và xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 90%.

Tại Bản kết luận giám định số 145/19/TgT ngày 09/10/2019, Phân Viện pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: nạn nhân sống đời sống thực vật; chấn thương sọ não gây: gãy lún xương sọ trán - thái dương - đỉnh phải di lệch vào trong hơn một bản sọ, gãy thành trên hốc mắt, dập não, xuất huyết vùng trán - thái dương - đỉnh phải, thoát vị dưới liềm, não thất bị chèn ép, đã phẫu thuật mở sọ lấy máu tụ và sọ lõm sọ vùng trán – thái dương - đỉnh phải, đáy phập phồng kích thước 12 x 10cm, vết sẹo vùng thái dương phải kích thước 5 x 0,3cm, vết sẹo mổ vùng trán - thái dương - đỉnh kích thước 34 x 0,1cm. Thương tích vùng đầu của nạn nhân Phạm Quốc T phù hợp với do bị tác động bằng khúc tre mẫu vật gửi giám định gây ra. Nếu anh Phan Văn L đánh trúng hoặc phóng trúng thì đều gây ra thương tích nêu trên. Thương tích của bị hại Phạm Quốc T nếu không được cấp cứu kịp thời có thể làm nạn nhân tử vong. Các tổn thương hiện tại của nạn nhân Phạm Quốc T là do di chứng của chấn thương sọ não gây ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HS-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn L phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm d khoản 4 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Văn L 05 (năm) năm tù. Trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giam trước đó 04 (bốn) tháng 22 (hai mươi hai) ngày. Bị cáo phải chấp hành hình phạt tù còn lại là 04 (bốn) năm 07 (bảy) tháng 08 (tám) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2019;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 09/12/2019, bị cáo Phan Văn L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 11/12/2019, đại diện hợp pháp của bị hại là ông Phạm Văn H (cha của bị hại Phạm Quốc T) kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận dùng đoạn tre phóng thẳng về hướng bị hại đang chạy xe đến làm bị hại hoảng sợ té ngã xe gây thương tích, do bị cáo có uống rượu say nên việc phóng đoạn tre có trúng bị hại hay không thì bị cáo không xác định

được; bị cáo thừa nhận thương tích của bị hại do bị cáo gây ra, thừa nhận kết quả do Cơ quan điều tra trích xuất camera và các kết luận giám định, thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên; bị cáo giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện hợp pháp của bị hại không đồng ý với mức hình phạt đối với bị cáo vì cho rằng mức hình phạt quá nhẹ và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phan Văn L phạm “Tội cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng pháp luật. Xử phạt bị cáo 05 năm tù là quá nhẹ nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị hại cũng không cung cấp được tình tiết mới có ý nghĩa tăng nặng hình phạt đối với bị cáo nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm d khoản 4 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Văn L 05 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”, được trừ vào thời gian bị tạm giam trước 04 tháng 22 ngày, phải chấp hành hình phạt tù còn lại là 04 năm 07 tháng 08 ngày, thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2019. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

- Bị cáo Phan Văn L không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn L phát biểu tranh luận: đồng tình với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại và đã tự nguyện bồi thường trước số tiền 250.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có người thân có công với đất nước. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, xử phạt bị cáo 04 năm tù.

- Đại diện hợp pháp của bị hại tranh luận: mức hình phạt đối với bị cáo là quá nhẹ, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm tăng nặng hình phạt đối với bị cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có bài bảo vệ cho bị hại, có nội dung: hành vi của bị cáo là vô cùng nguy hiểm, dùng đoạn gỗ dài 142cm là hung khí nguy hiểm ném trúng bị hại trong lúc bị hại đang điều khiển

xe lưu thông tốc độ cao, làm bị hại bị thương tích tỷ lệ 90% phải sống đời sống thực vật; hành vi phạm tội của bị cáo có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 14 năm, hành vi này cần sự răn đe, giáo dục nghiêm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xử phạt 05 năm tù; mặc dù bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cũng không bắt buộc người phạm tội khi có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự thì phải quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, mà Tòa án được quyền quyết định tùy vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; hiện tại sức khỏe của bị hại ngày một nghiêm trọng, phải nhập viện thường xuyên làm gia đình vô cùng lo lắng; tại phiên tòa sơ thẩm, nhận thấy bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội và đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại nên đại diện hợp pháp của bị hại đã xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, tuy nhiên từ khi xét xử sơ thẩm đến nay bị cáo không bồi thường thêm số tiền nào cho bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 05 năm tù là quá nhẹ cho bị cáo mà bị cáo lại kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, nên phía bị hại hoàn toàn không đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, sửa Bản án sơ thẩm, tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có cung cấp cho Hội đồng xét xử bài bảo vệ cho bị hại và được đại diện hợp pháp của bị hại đồng ý; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm không thống nhất với nhau về nguyên nhân gây ra thương tích cho bị hại. Cụ thể: có lúc bị cáo khai phóng đoạn tre trúng phần đầu xe mô tô do bị hại điều khiển, trúng khu vực mặt nạ trước của xe (bút lục số 637, 640) làm bị hại té ngã xe xuống đường gây thương tích, nhưng qua xem xét bản ảnh xe mô tô biển số xxLx-xxxx do bị hại điều khiển (ảnh số 11, 14) không thấy mặt nạ xe bị bể, mặc khác bị cáo có lời khai: tôi cầm đoạn tre trên tay phải phóng thẳng đoạn tre theo dạng đầu đoạn tre hướng về phía bị hại (giống như

mũi tên bay về đích), tôi thấy đoạn tre bay ở phía trước bị hại, nghĩa là đoạn tre bay cao hơn phần xe mô tô (trên phần đầu xe) nhưng không trúng bị hại, lúc đó tôi thấy bị hại đảo tay lái và ngã xe xuống phần lề lộ (bút lục số 648), và qua xem xét bản ảnh thực nghiệm điều tra (ảnh số 13, 14, 15, 16, 17) thì thấy vị trí bị cáo cầm đoạn tre đứng ngang với vị trí xe mô tô do bị hại đang điều khiển chạy đến, vì vậy lời khai của bị cáo cho rằng phóng đoạn tre trúng mặt nạ xe của bị hại làm bị hại té ngã xuống đường gây thương tích là không có cơ sở; có lúc bị cáo khai: tôi khẳng định dùng khúc cây tre ném về hướng bị hại nhưng hoàn toàn không trúng vào người bị hại cũng không trúng vào xe của bị hại, vì lúc đó tôi thấy đoạn tre bay qua mặt bị hại, nghĩa là đoạn tre bay ở phía trước bị hại (bút lục số 644, 745), tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai phóng đoạn tre thẳng về hướng bị hại nhưng không xác định được có trúng bị hại hay không do bị cáo có uống rượu say, nhưng qua xem xét biên bản thực nghiệm điều tra (bút lục số 594), bản ảnh thực nghiệm điều tra (ảnh số 13, 14, 15, 16, 17), biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh vật chứng (bút lục số 13, 695, 696) thì thấy vị trí bị cáo cầm đoạn tre đứng ngang với vị trí xe mô tô do bị hại đang điều khiển chạy đến và cách nhau là 2,1 mét, chiều dài đoạn tre là 142cm, vì vậy lời khai của bị cáo cho rằng phóng đoạn tre nhưng không trúng bị hại và cũng không trúng xe của bị hại là không có cơ sở; có lúc bị cáo khai: tôi chỉ nhìn thấy đoạn tre tôi ném trúng vào bị hại nhưng tôi không xác định được vị trí trúng cụ thể là ở người hay ở xe, tôi khẳng định là trúng vào bị hại, lúc đầu tôi định dùng đoạn cây này đánh nhưng nghĩ sẽ gây ra hậu quả nặng cho bị hại nên tôi mới ném cây vào bị hại cho hả cơn giận của tôi (bút lục số 471), khi tôi cầm đoạn tre ném về phía bị hại tôi xác định có trúng vào bị hại, nhưng trúng vào vị trí nào tôi không xác định được do lúc đó bị hại đang chạy xe và sự việc xảy ra nhanh tôi không quan sát kỹ (bút lục số 54, 75); căn cứ vào Biên bản trích sao dữ liệu camera ghi hình, thể hiện: “quá trình rượt đuổi giữa Phạm Quốc T và Phan Văn L, hành động của L khi cầm cây ném vào hướng T” (bút lục số 08); căn cứ vào Kết luận giám định số: 3176/C09B ngày 22/7/2019 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh: “phát hiện thấy nội dung tập tin hình ảnh (video) gửi giám định có tên: “tn.mp4” (tại thời gian hiển thị 17 giờ 30 phút 15 giây ngày 03/5/2018) ghi nhận hình ảnh một người đứng trên đường có hành vi vung tay phóng/ném 01 vật (không rõ vật gì) hướng vào người điều khiển xe mô tô, sau đó người điều khiển xe mô tô này gục đầu xuống tay lái xe mô tô và lao vào lề đường bên trái hướng đang di chuyển” (bút lục số 603); căn cứ vào Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 145/19/TgT ngày 09/10/2019 của Phân Viện pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “thương tích vùng đầu nạn nhân Phạm Quốc T phù hợp với do bị tác động bằng khúc tre mẫu vật gửi giám định gây ra. Nếu anh Phan Văn L đánh trúng hoặc phóng trúng thì đều gây ra thương tích nêu trên” (bút lục số 607, 608). Căn cứ vào lời khai nêu trên của bị

cáo (tại các bút lục số 471, 54, 75) kết hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được (tại các bút lục số 08, 603, 607, 608), với lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm có cơ sở xác định chính bị cáo đã cầm đoạn tre phóng trúng vào vùng đầu của bị hại làm bị hại gục đầu xuống tay lái xe mô tô và xe lao ngã vào lề đường bên trái hướng đang di chuyển, hậu quả bị hại bị thương tích. Việc bị cáo có lúc khai phóng đoạn tre nhưng không trúng xe của bị hại và cũng không trúng bị hại, có lúc khai phóng đoạn tre trúng xe bị hại làm bị hại ngã xuống đường gây thương tích, có lúc khai phóng đoạn tre làm bị hại hoảng sợ té ngã xe gây thương tích còn đoạn tre có trúng bị hại hay không thì bị cáo không xác định được; đây là những lời khai không có cơ sở nhằm né tránh trách nhiệm hình sự của bị cáo. Tuy nhiên; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đều thừa nhận có phóng đoạn tre về hướng của bị hại, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận phóng đoạn tre về hướng bị hại nhằm mục đích gây thương tích cho bị hại trong khi bị hại đang điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ thì bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra cho bị hại. Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định: vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 03/5/2018, tại ấp P, xã PT, huyện B, tỉnh Bến Tre. Xuất phát từ nguyên cơ nhỏ nhen rượt đuổi xe mô tô với nhau trên đường, bị cáo Phan Văn L đã dùng đoạn cây tre phóng trúng vào vùng đầu của anh Phạm Quốc T trong khi anh T đang điều khiển xe mô tô, hậu quả gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho anh Phạm Quốc T là 90%. Với ý thức, hành vi, hung khí gây án và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phan Văn L phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm d khoản 4 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phan Văn L yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại 250.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có người thân có công với đất nước; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 05 năm tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù bị cáo được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên thấy rằng; bị cáo là người thành niên, có năng

lực trách nhiệm hình sự, chỉ vì nguyên cơ nhỏ nhen rượt đuổi xe trên đường nhưng bị cáo đã dùng đoạn cây tre là hung khí nguy hiểm đứng chặn đường bị hại, bị hại thấy sợ nên quay đầu xe bỏ chạy theo hướng ngược lại thì bị cáo tiếp tục đuổi theo vượt qua mặt bị hại rồi đứng chờ, khi bị hại điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ chạy đến thì bị cáo cầm đoạn cây tre phóng trúng vùng đầu bị hại, hậu quả gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 90%; sau khi phóng đoạn cây tre trúng bị hại thì bị cáo lên xe chạy trốn bỏ mặc cho bị hại đang trong tình trạng nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng mà thương tích của bị hại nếu không được cấp cứu kịp thời có thể tử vong, cho đến khi Cơ quan điều tra trích xuất camera an ninh mới phát hiện bị cáo là người gây thương tích cho bị hại; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có lời khai không phù hợp nhau nhằm né tránh trách nhiệm hình sự của mình, đã gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận câu nói “mày hết thời rồi” là có ý cảnh báo sẽ gây thương tích cho bị hại; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội, đã xâm hại đến sức khỏe của bị hại dẫn đến bị hại phải sống đời sống thực vật, gây bất bình, phẫn nộ trong nhân dân, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội, từ khi xét xử sơ thẩm đến nay bị cáo cũng chưa bồi thường thêm khoản tiền nào cho bị hại trong khi bị hại rất cần tiền để điều trị thương tích cũng như chi phí trong cuộc sống. Từ những tình tiết nêu trên, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý thật nghiêm mới đủ sức răn đe bị cáo và phòng ngừa chung; bị cáo phạm tội có 02 tình tiết định khung tăng nặng, gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại rất cao nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là không đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội; tại cấp phúc thẩm bị cáo không phát sinh tình tiết mới có ý nghĩa giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện hợp pháp của bị hại cung cấp giấy ra viện đề ngày 25/02/2020 chứng minh bị hại bị động kinh, viêm phổi, không xác định vi sinh vật, di chứng tổn thương nội sọ G40, J18, T90.5 để yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo là chưa nghiêm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, mà có căn cứ để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, sửa Bản án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[5] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, xử phạt bị cáo 04 năm tù là chưa nghiêm, không đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, tăng mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm số: 46/2019/HS-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm d khoản 4 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Văn L 07 (bảy) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”; được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giam trước là 04 (bốn) tháng 22 (hai mươi hai) ngày; bị cáo phải chấp hành hình phạt tù còn lại là 06 (sáu) năm 07 (bảy) tháng 08 (tám) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2019.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Phan Văn L phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện B (3b);
- Công an huyện B (1b);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- UBND xã TX, huyện B (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông

- Nhà tạm giữ Công an huyện B, bị cáo (02b);
(Yêu cầu nhà tạm giữ Công an huyện B tổng
đạt cho bị cáo 01 bản);
- Đại diện hợp pháp của bị hại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn
phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).